

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 101/2022/DS-ST.

Ngày: 05-9-2022.

*“V/v tranh chấp hui”.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* bà Võ Thị L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp Hưng B B (ấp 1B), xã Thạnh Phú Đ, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* bà Trần Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Hưng A B (ấp 2B), xã Thạnh Phú Đ, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà L có mặt, bà T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn là bà Võ Thị L trình bày:

Trong các năm 2013, 2014, 2015, bà có tham gia chơi hui do bà Trần Thị T làm chủ hui, hui tháng, các phần hui bà tham gia thì bà chưa hốt hui, tên bà trong các dây hui là “4 L”. Cách nay khoảng 05 năm, bà T tuyên bố vỡ hui, bà T tự tính và tổng kết lại còn nợ bà số tiền hui là 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 06/5/2018, bà T trả cho bà 1.000.000 đồng (một triệu

đồng) và còn nợ lại số tiền hội là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà T có viết giấy cho bà với nội dung “tổng cộng 92.500.000 đồng, gởi 6/5: 1.000.000”.

Bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), bà không yêu cầu bà T trả lãi đối với số tiền này. Trước đây, bà T nhiều lần hứa trả cho bà nên bà không khởi kiện nhưng đến nay bà T vẫn không trả nên bà mới khởi kiện.

Các dây hội bà tham gia cụ thể như sau:

- Dây hội 3.000.000 đồng, ngày mở hội đầu tiên là 30/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà tham gia 03 phần, gồm 02 phần đề tên bà, 01 phần bà T nói bà chia lại của người khác nhưng bà không nhớ tên người này là gì. Trong danh sách hội viên bà T viết cho bà đối với dây hội này chỉ có 02 phần hội đề tên bà, 01 phần hội nữa bà không biết tên là gì.

Bà góp được 12 phần hội sống, mỗi phần bà góp hội là 21.370.000 đồng nên 03 phần hội bà tham gia thì bà đã góp được 21.370.000 đồng x 3 = 64.110.000 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm mười nghìn đồng).

- Dây hội 2.000.000 đồng, ngày mở hội đầu tiên là 30/01/2014 âm lịch, do bà T nói với bà là dây hội này gồm 20 phần nên bà trình bày trong đơn khởi kiện là 20 phần. Tuy nhiên theo danh sách hội viên bà T cung cấp cho bà có 17 phần nên bà xin trình bày lại là dây hội này gồm 17 phần, bà tham gia 01 phần, bà góp được 12 phần hội sống với số tiền là 15.390.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

- Dây hội 500.000 đồng, ngày mở hội đầu tiên là 05/02/2013 âm lịch, gồm 28 phần, bà tham gia 01 phần, bà góp được 26 phần hội sống với số tiền là 13.000.000 đồng. Do dây hội gần kết thúc nên bà T tính cho bà chẵn số tiền là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Hiện bà không có giữ giấy tờ liên quan đến dây hội này.

Việc bà tham gia chơi hội bà không có ghi chép để theo dõi, mọi việc do bà T nói và tự tính cho bà. Các danh sách hội viên là do bà T phô tô lại rồi đưa cho bà giữ.

Tại phiên tòa, bà L trình bày do bà tin tưởng bà T và là người ít hiểu biết nên bà T tính tiền hội cho bà như thế nào bà cũng thống nhất. Do bà T nhiều lần hứa trả tiền hội cho bà nên bà chờ, đến khi thấy người khác khởi kiện bà T thì bà mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng và tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà L đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn bà T không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, cũng không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà T không tuân thủ và không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Vi phạm của bà T ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nhưng không lớn nên không đề nghị xử lý.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

Buộc bà Trần Thị T trả cho bà Võ Thị L số tiền nợ hui là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc bà Trần Thị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui cho bà L. Bà T là bị đơn trong vụ án cư trú tại xã Thạnh Phú Đ, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hui là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi. Căn cứ bà L khởi kiện là bản sao chụp các giấy viết tay ghi danh sách hui viên và 01 giấy viết tay có nội dung: “tổng cộng 92.500.000 đồng, gởi 6/5: 1.000.000”.

Với yêu cầu và căn cứ khởi kiện của bà L, bà T không có ý kiến phản đối và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Căn cứ vào các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bà Trần Thị H, bà Trần Thị A, bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị Thanh T, xét thấy từ năm 2013 bà L có tham gia chơi hui do bà T làm chủ hui, các dây hui như sau: dây hui 500.000 đồng, ngày mở hui đầu tiên là 05/02/2013 âm lịch; dây hui 2.000.000 đồng, ngày mở hui đầu tiên là 30/01/2014 âm lịch; dây hui 3.000.000 đồng, ngày mở hui đầu tiên là 30/5/2015 âm lịch.

Theo bà L trình bày đây hội 3.000.000 đồng, ngày mở hội đầu tiên là 30/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà tham gia 03 phần. Đối với mỗi phần hội, bà góp được 12 lần hội sống cho bà T với số tiền là 21.370.000 đồng nên 03 phần hội bà tham gia thì bà đã góp hội cho bà T với số tiền là 21.370.000 đồng x 3 = 64.110.000 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm mười nghìn đồng); đây hội 2.000.000 đồng, ngày mở hội đầu tiên là 30/01/2014 âm lịch, bà tham gia 01 phần, bà góp được 12 lần hội sống cho bà T với số tiền là 15.390.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng); đây hội 500.000 đồng, ngày mở hội đầu tiên là 05/02/2013 âm lịch, gồm 28 phần, bà tham gia 01 phần, bà góp được 26 lần hội sống với số tiền là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng), do đây hội gần kết thúc nên bà T tính cho bà chẵn số tiền là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Bà T tuyên bố vỡ hội và còn nợ bà tổng cộng số tiền hội là 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 06/5/2018, bà T trả cho bà 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và còn nợ lại số tiền hội là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Lời trình bày của bà L phù hợp với giấy viết tay có nội dung “tổng cộng 92.500.000 đồng, gởi 6/5: 1.000.000”. Bà L cho rằng giấy này là do bà T viết cho bà, đối với bà T thì không có ý kiến phản đối.

Như vậy, bà T là chủ hội và còn nợ bà L là hội viên số tiền hội là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) nên bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ hội này là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường.

[3] Về tiền lãi: do bà L không yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 5% của số tiền 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) là 4.575.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị L.

Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị L số tiền hụi là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận việc bà Võ Thị L không yêu cầu bà Trần Thị T trả lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí 4.575.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Đỗ Thị Mộng Tuyền**